

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND cấp huyện**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4246/QĐ-BVHTTDL ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 168/TTr-SVHTTDL ngày 04 tháng 12 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND cấp huyện.

**Điều 2.** Giao Văn phòng UBND tỉnh cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và niêm yết, công khai tại Trung tâm Hành chính công.

Giao UBND cấp huyện niêm yết, công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;  
Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách  
nhiệm thi hành Quyết định này. / ms

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Đắk Nông;
- Lưu: VT, TTHCC, KSTT.

3

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Huy



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VÀ UBND CẤP HUYỆN**

(Ban hành theo Quyết định số **2085/QĐ-UBND** ngày **14 tháng 12 năm 2018**  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
<b>I</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>				
1	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường	<p><b>- Thành phần hồ sơ:</b></p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012).</p> <p>(2) Bản sao công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p> <p><b>- Số lượng hồ sơ: 01 bộ</b></p>	<p><b>1. Trình tự thực hiện:</b></p> <p><b>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ</b></p> <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: <a href="http://www.motcuu.daknong.gov.vn">www.motcuu.daknong.gov.vn</a>.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p><b>Bước 2. Xử lý hồ sơ</b></p> <p>Trong thời hạn 9,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy phép. Trường hợp không cấp phép, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	<p>Tại thị xã:</p> <p>Mức thu phí cấp thẩm định là 15.000.000 đồng/giấy;</p> <p>- Tại các huyện:</p> <p>Mức thu phí cấp thẩm định là 10.000.000 đồng/giấy.</p>	<p>- Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 16/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng.</p> <p>- Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng.</p> <p>- Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 16/11/2009 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>



			<p>lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p><b>Bước 3. Trả kết quả</b></p> <p>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp.</p> <p><b>2. Thời gian giải quyết:</b> 10 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày;</li> <li>- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 9,5 ngày.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/200/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT.</li> <li>- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.</li> <li>- Nghị định số 142/2018/CD-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>
<p><b>II</b></p> <p><b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b></p>	<p>Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke</p>	<p><b>- Thành phần hồ sơ:</b></p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke (Mẫu 3 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012).</p> <p>(2) Bản sao công chứng hoặc chứng</p>	<p><b>1. Trình tự thực hiện:</b></p> <p><b>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ</b></p> <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: <a href="http://www.motcua.daknong.gov.vn">www.motcua.daknong.gov.vn</a>.</p> <p><b>Bước 2. Xử lý hồ sơ</b></p> <p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện có trách nhiệm</p>	<p>- Tại thị xã: + Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy; + Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 12.000.000 đồng/giấy. Đổi với trường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng.</li> <li>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 04/2009/TT-BVHTT ngày</li> </ul>



	<p>thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p> <p>- Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>	<p>cấp giấy phép kinh doanh. Trường hợp không cấp giấy phép, UBND cấp huyện phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p><b>Bước 3. Trả kết quả</b></p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p><b>2. Thời gian giải quyết:</b> 07 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng.</p> <p>- Tại các huyện: + Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 3.000.000 đồng/giấy; + Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy.</p> <p>Đổi với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng.</p>	<p>16/12/2009 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT.</p> <p>- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.</p> <p>- Nghị định số 142/2018/Đ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
--	--	---	---	---